Hoạt động kinh tế mùa nước nổi tỉnh An Giang

NGUYỄN VĂN PHƯỢNG
& VŨ QUANG CẢNH

Thực tiễn qua 3 năm lũ lớn (2000, 2001, 2002) ở An Giang cho thấy nước lên vừa ở Tân Châu từ 4,20 - 4,50 m là dễ kiếm sống, sống khỏe; nước nhỏ quá thì thu nhập kém như năm 1998; nước lớn quá gọi là lụt như năm 1961, 1966, 2000 thì khổ, do không đi làm ăn được, phải di dời lên vùng cao nhưng chỉ trong một tháng, các tháng còn lại vẫn kiếm sống được.

An Giang là tỉnh đầu nguồn lưu vực sông Cửu Long; phía đông - bắc giáp tỉnh Đồng Tháp, phía tây - bắc giáp Campuchia, phía tây - nam giáp tỉnh Kiên Giang, phía đông - nam giáp tỉnh Cần Thơ và Đồng Tháp. Có đường biên giới chung với Campuchia gần 100 km, gồm 11 huyện, thị xã, thành phố với 150 xã, phường, thị trấn; trong đó có 2 huyện miền núi là: Tri Tôn và Tịnh Biên. An Giang có tổng diện tích tự nhiên 340.623 ha; trong đó: diện tích đất nông nghiệp: 262.986 ha, đất lâm nghiệp: 18.165 ha; tổng dân số (theo ĐTTK năm 2003): 2.152.736 người, với 449.580 hộ, trong đó hộ nông nghiệp: 339.849 hộ - 1.627.875 nhân khẩu, chiếm gần 76% tổng số hộ toàn tỉnh. Là một tỉnh nông nghiệp, dân cư chủ yếu sống bằng nghề nông; đa số là người Kinh chiếm 91%, người Hoa 4,08%, người Khmer 4,31%, người Chăm 0,61%.

Từ xưa đến nay người dân ĐBSCL nói chung và An Giang nói riêng đã biết khai thác lợi thế mùa nước để có thu nhập và ông bà ta trước đây thường gọi là "mùa nước", khi nước dâng gọi là "mùa nước lên". Khái niệm "mùa lũ" và từ "sống chung với lũ" chỉ có sau năm 1975 và nhiều nơi còn quan niệm rằng khi lũ về sẽ gây thiệt hại mà chưa thực sự quan tâm đến lợi ích của nó. Thực tiễn qua 3 năm lũ lớn (2000, 2001, 2002) ở An Giang cho thấy nước lên vừa ở Tân Châu từ 4,20 - 4,50 m là dễ kiếm sống, sống khỏe; nước nhỏ quá thì thu nhập kém như năm 1998; nước lớn quá gọi là lụt như năm 1961, 1966, 2000 thì khổ, do không đi làm ăn được, phải di dời lên vùng cao nhưng chỉ trong một tháng, các tháng còn lại vẫn kiếm sống được. Điều này chứng tỏ rằng, mùa nước đã đem lại nhiều nguồn lợi to lớn nếu ta biết khai thác.

Từ thực tiễn sản xuất mùa nước nổi năm 2000. UBND tỉnh An Giang có những chủ trương, chính sách cụ thể bằng Đề án số 31; sau khi có Đề án, Sở nông nghiệp & PTNT kết hợp cùng Sở công nghiệp và UBND các huyện, thị tiến hành quy hoạch, định hướng phát triển SX, tổ chức hoạt động dịch vụ trong mùa nước, phù hợp với lợi thế đất đai của từng vùng và nhu cầu tiêu thụ của thị trường, nhằm tạo ra thu nhập, giải quyết việc làm cho số đông lao động ở nông thôn.

Phát huy kết quả đạt được trong mùa nước nổi 2002, mùa nước nổi năm 2003 tiếp tục nhân rộng 18 mô hình sản xuất và giải quyết việc làm; cụ thể như sau:

1. Nhóm mô hình sản xuất trồng trọt

Gồm 5 mô hình, có 98.470 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 136.657 lao động. Trong đó:

- Sản xuất lúa vụ 3: do lúa được giá, dễ tiêu thụ, năm 2003 là năm có diện tích SX lúa vụ 3 cao nhất từ trước đến nay, với tổng diện tích: 63.011 ha, đạt 108,83% so kế hoạch và tăng 27.659 ha so vụ 3/2002; năng suất b/q đạt: 4,70 tấn/ha, sản lượng lương thực đạt: 297.770 tấn. Có tổng số 74.131 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 105.018 LĐ.

- Sản xuất hoa màu vụ 3: 6.840 ha, đạt 119,16% so kế hoạch và tăng 2.104 ha so vụ 3/2002; trong đó: cây lương thực: 1.131 ha, cây thực phẩm: 5.465 ha và cây công nghiệp ngắn ngày: 244 ha. Có tổng số 13.959 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 17.100 lao động.

Nắm bắt nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong mùa nước nổi; nhiều hộ nông dân trong tỉnh, có số đông hộ nghèo tham gia tranh thủ trồng rau dưa các loại theo nhiều mô hình SX và đạt tổng DT: 4.646 ha, tăng 1.144 ha so vụ 3/2002; gồm các loại cây trồng chủ yếu như: cải bắp: 236 ha, cải các loại: 916 ha, dưa leo: 751 ha, cà chua: 185 ha, kiệu: 98 ha, hành - tỏi: 583 ha, bầu - bí - mướp: 506 ha,....thu được lãi cao từ 18 - 21 triệu đồng/ha, tỷ lệ lãi/chi phí: 1,08 - 1,62 lần tùy loại; riêng dưa leo, cà chua lãi thu được từ 11 - 13 triệu đồng/ha, tỷ lệ lãi/chi phí: 0,7 lần. Trồng rau dưa các loại đem lại hiệu quả kinh tế cao, gấp 2 - 4 lần so SX cây lúa.

Nếu phân loại theo cơ cấu cây trồng 3 vụ/năm thì sản xuất 3 vụ lúa/năm là chủ yếu; diện 2 lúa - 1 màu/năm toàn tỉnh chỉ có: 839,20 ha; 1 vụ lúa - 2 vụ màu/năm: 621 ha và chuyên canh sản xuất màu (3 - 4 vụ/năm): 1.254,50 ha. Nhìn chung cơ cấu cây trồng 3 vụ/năm luôn biến động theo không gian và thời gian, phụ thuộc vào giá cả của thị trường.

- Sản xuất lúa mùa ruộng trên: 7.008 ha (Tri Tôn: 2.375 ha, Tịnh Biên: 4.633 ha); trong đó mô hình canh tác 2-3 vụ/năm có trên 2.000 ha. Có tổng số 5.840 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 7.008 lao động

- Sản xuất lúa mùa nổi (lúa mùa bưng): Do lũ về trễ, mực nước nhỏ, nhiều nơi không ngập đồng nên

diện lúa mùa xuống giống được 1.723/4.130 ha (chủ yếu ở huyện Tri Tôn). Có tổng số 1.149 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 1.723 lao động. Số diện tích còn lại chuyển qua sản xuất lúa 2 vụ: 2.326 ha và hoa màu các loại.

- Sản xuất các loại cây trồng khác trong mùa nước: có tổng số 3.391 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 5.808 lao động.

+ Nắm bắt được nhu cầu tiêu thụ của thị trường, trong nhiều hộ nông dân đã tận dụng mặt nước ao, lòng hồ, vùng trũng và mặt nước trên đất ruộng trong vùng bao để trồng các loại cây thủy sinh, với tổng DT: 1.034 ha, tăng 583 ha so vụ 3.2002; trong đó: rau nhút: 591 ha (lãi thu được từ 11 - 22 triệu đồng/ha), sen: 102 ha (lãi thu được từ 10 - 15 triệu đồng/ha), ấu: 120 ha, rau muống: 221 ha (lãi thu được từ 5 - 10 triệu đồng/ha). Có tổng số 2.460 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 4.018 lao động.

+ Ngoài ra diện tích trồng nấm rơm được khôi phục và có chiều hướng phát triển; nhiều hộ nông dân tận dụng rơm vụ Hè-Thu để trồng nấm trên đất thổ cư và diện đất cao không ngập để cung ứng cho các chợ ở nông thôn, với diện tích: 32 ha; phong trào trồng cây điên điển trên các tuyến đê, bờ bao, vừa chống sạt lở, vừa có thu nhập từ việc hái bông điên điển bán chợ được số đông nông dân tham gia, với chiều dài 29,10 km (27,5 ha). Có tổng số 951 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 1.790 lao động.

2. Nhóm mô hình nuôi trồng thủy sản trong mùa nước nổi

Gồm 5 mô hình chủ yếu, có 5.336 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 8.627 lao động. Trong đó:

- Nuôi cá lồng, bè nhỏ để tiêu thụ nội địa (cá lóc, lóc bông, bóng tượng, chép, trê phi, rô đồng), với tổng số 1.355 lồng (tăng 655 lồng so năm 2002), có 1.141 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 2.710 lao động; sản lượng ước đạt: 3.609 tấn cá các loại. Nuôi cá đen lồng, bè thu được lãi cao, b/q hộ nuôi 18 - 30 m^3 lồng sau 5 tháng mùa nước lãi thu được từ 8 - 15 triệu đồng (giá bán b/q từ 8.000 - 15.000 đồng/kg tùy theo đối tượng con nuôi).

- Nuôi chân ruộng: 354 ha (chủ yếu nuôi tôm càng xanh), tăng 47 ha so năm 2002, có 416 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 708 lao động; sản lượng ước đạt: 266 tấn. Lãi thu được, đối với nuôi cá từ 5 - 10 triệu đồng/ha, nuôi tôm càng xanh lãi thu được cao hơn từ 15 - 25 triệu đồng/ha.

- Nuôi đăng quầng: chủ yếu nuôi tôm càng xanh 48,6 ha, có 97 hộ tham gia (phần lớn là hộ nghèo) và giải quyết việc làm thường xuyên cho gần 50 lao động; sản lượng ước đạt 30 tấn. Thu được lãi cao từ 10 - 15 triệu đồng/ha.

- Nuôi trong vèo, mùng lưới (chủ yếu là các loại cá đen) phát triển mạnh với số lượng 1.421 cái (DT mặt nước nuôi: 35.115 m^2), có 1.182 hộ tham gia (phần lớn là hộ nghèo) và giải quyết việc làm thường xuyên cho 1.421 lao động; sản lượng ước đạt: 1.354 tấn. Qua điều tra, khảo sát hộ nuôi diện tích 8 - 10 m^2, lãi thu được từ 2 - 4 triệu đồng.

- Nuôi ao hầm: 1.246 ha (chủ yếu nuôi cá tra), có gần 2.500 hộ tham gia và giải quyết việc làm thường xuyên cho 3.738 lao động; sản lượng nuôi trong 5 tháng mùa nước ước đạt 18.690 tấn. Do ảnh hưởng vụ kiện, nên tình hình tiêu thụ cá gặp nhiều khó khăn, giá sụt giảm, phần lớn hộ nuôi bị lỗ.

Ngoài việc phát triển nuôi thủy sản, tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm có chiều hướng phát triển mạnh ở 2 huyện miền núi: Tri Tôn, Tịnh Biên và trên những vùng cao không ngập.

3. Nhóm các ngành nghề, dịch vụ

Có nhiều ngành nghề, dịch vụ giải quyết việc làm trong mùa nước; trong đó có 12 ngành nghề chủ yếu, với tổng số lao động tham gia 33.832 người (chủ yếu là lao động nghèo). Nổi bật nhất là cơ sở SX hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu từ nguyên liệu lục bình ngày càng phát triển (từ 1 cơ sở chính nay đã mở thêm 9 chi nhánh ở các huyện), đã giải quyết việc làm thường xuyên trong 5 tháng mùa nước nổi cho gần 1.000 lao động, thu nhập bình quân từ 300.000- 450.000đồng/người/tháng. Ngoài ra giải quyết việc làm cho số đông lao động tham gia thu gom lục bình, cắt thành cọng bán cho chủ cơ sở, thu nhập bình quân 15.000đồng/người/ngày. Cụ thể như sau:

Ngành nghề, dịch vụ	Số LĐ tham gia	Thu nhập
1. Nghề chế biến khô cá, mắm cá	460	450.000 - 600.000 đ/tháng
2. Nghề thêu đan móc, se tơ dệt lụa, dệt thổ cẩm	3.370	300.000 - 600.000 đ/tháng
3. Nghề sản xuất chì chài, sản xuất lưới câu	2.057	300.000 - 450.000 đ/tháng
4. Nghề đóng xuồng ghe, làm dầm chèo	2.243	600.000-1.200.000 đ/tháng
5. Nghề đan lát	5.572	300.000 - 450.000 đ/tháng
6. Nghề sản xuất dây keo, lợp tép, bó chổi	385	300.000 - 450.000 đ/tháng
7. Nghề dệt chiếu, lưới cước	996	300.000 - 450.000 đ/tháng
8. Nghề bắt ốc bươu vàng, bán cho chủ hộ nuôi tôm, cá	4.025	15.000 - 20.000 đ/ngày
9. Nghề chở đất mướn	1.424	30.000 - 50.000 đ/ngày
10. Nghề thu gom lục bình, bán cho CSSX hàng thủ công mỹ nghệ	1.000	15.000 - 20.000 đ/ngày
11. Nghề đánh bắt thủy sản	12.000	15.000 - 20.000 đ/ngày
12. Nghề cắt cỏ cung ứng cho hộ nuôi bò	300	20.000 - 25.000 đ/ngày
Tổng cộng	**33.832**	